

Số: 589 /SLĐT BXH-BTXH
V/v hướng dẫn thực hiện tiêu chí,
chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao
lĩnh vực Lao động - Thương binh và
Xã hội giai đoạn 2018-2020

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 5 năm 2019.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020; Văn bản số 3401/LĐT BXH-VPGGN ngày 17/8/2018 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí hộ nghèo tại Quyết định số 691/QĐ-TTg về việc chỉ tiêu xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020; Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018-2020; Văn bản số 217/BCĐ-VPĐP ngày 18/02/2019 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 tỉnh Tuyên Quang;

Sở Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 thuộc ngành Lao động- Thương binh và Xã hội, như sau:

1. Tiêu chí 10- Hộ nghèo

1.1. Tiêu chí xác định

Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về tiêu chí “Hộ nghèo” là xã có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều từ 6% trở xuống (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo).

Trong đó:

- Hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định: là hộ có ít nhất một thành viên trong hộ là đối tượng đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật và các thành viên khác trong hộ không có khả năng lao động, qua điều tra, rà soát hằng năm ở cơ sở đáp ứng các tiêu chí về xác định hộ nghèo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận, phân loại là hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội (được quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp

cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 17/2016/TT-BLĐTBXH).

- Hộ nghèo do bệnh hiểm nghèo: danh mục bệnh hiểm nghèo thực hiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (*Có phụ lục danh mục kèm theo*).

- Hộ nghèo do tai nạn rủi ro bất khả kháng: Là hộ nghèo chịu hậu quả của các rủi ro, biến cố đột xuất trong năm, bao gồm thiên tai (hạn hán, lũ lụt, bão, giông lốc, sóng thần); môi trường bị ô nhiễm nặng; tai nạn lao động, tai nạn giao thông; gặp rủi ro về kinh tế (chịu thiệt hại nặng về các tài sản chủ yếu như nhà ở, công cụ sản xuất, mất đất sản xuất, mất mùa, dịch bệnh); gặp rủi ro về xã hội (bị lừa đảo, là nạn nhân của tội phạm) được quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 17/2016/TT-BLĐTBXH.

Quy trình xét, xác định hộ nghèo được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 17/2016/TT-BLĐTBXH.

1.2. Phương pháp xác định

Kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy trình quy định tại Thông tư số 17/2016/BLĐTBXH của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo hằng năm áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 (*hoặc các Thông tư, văn bản sửa đổi, bổ sung khác nếu có*). Tỷ lệ hộ nghèo của xã được tính theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ hộ nghèo của xã} = \frac{\text{Tổng số hộ nghèo của xã} \text{ (đã trừ số hộ nghèo bảo trợ xã hội, hộ nghèo do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo)}}{\text{Tổng số hộ dân cư của xã} \text{ (đã trừ số hộ nghèo bảo trợ xã hội, hộ nghèo do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo)}} \times 100\%$$

1.3- Số liệu căn cứ để đánh giá, thẩm định xã đạt tiêu chí “Hộ nghèo”

Gồm 02 nguồn số liệu sau đây:

- Số liệu rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm thời điểm gần nhất trước đó được Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố và trong giai đoạn từ khi công bố đến khi xét tiêu chí số liệu đó chưa thay đổi (*chưa có thêm hộ nghèo phát sinh làm tăng tỷ lệ hộ nghèo*).

- Trường hợp số liệu tỷ lệ hộ nghèo hiện đang quản lý chưa đạt tiêu chí thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn để xác định tỷ lệ hộ nghèo làm căn cứ để đánh giá mức độ đạt tiêu chí.

2. Tiêu chí 12- Lao động có việc làm

2.1-Tiêu chí xác định

Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về tiêu chí “lao động việc làm” là xã đảm bảo giải quyết việc làm người lao động có việc làm thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động **đạt từ 95%** trở lên tại thời điểm đánh giá tiêu chí.

Trong đó: Mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất bao gồm các mô hình kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung; áp dụng, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; chuyên đổi giống cây trồng, vật nuôi; các mô hình kinh tế hợp tác xã trong nông nghiệp, phát triển các hình thức liên kết; phát triển kinh tế trang trại; kinh tế hộ gia đình, cá thể; mô hình phát triển công nghiệp, công nghiệp chế biến thu hút nhiều lao động; phát triển nông nghiệp gắn với du lịch; phát triển dịch vụ ở nông thôn;...

2.2. Phương pháp xác định

Đánh giá và cách tính: Theo hướng dẫn tại công văn số 512/SLĐTĐBXH-BTXH ngày 05/7/2017 của Sở Lao động TB và XH.

2.3- Số liệu căn cứ để đánh giá, thẩm định:

Số liệu căn cứ đánh giá, thẩm định tiêu chí do Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành rà soát, đánh giá.

3. Tiêu chí 13- Giáo dục và Đào tạo

3.1. Chỉ tiêu 13.3- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo

3.1.1- Tiêu chí xác định

Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về chỉ tiêu tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: là xã có tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo **đạt từ 65%** trở lên.

3.1.2-Phương pháp xác định

Đánh giá và cách tính: Theo hướng dẫn tại công văn số 512/SLĐTBOXH-BTXH ngày 05/7/2017 của Sở Lao động

3.1.3- Số liệu căn cứ để đánh giá, thẩm định:

Số liệu căn cứ đánh giá, thẩm định tiêu chí: do Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành rà soát, đánh giá.

3.2- Chỉ tiêu 13.4- Lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức

Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về chỉ tiêu lao động nông thôn trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về cơ chế, chính sách của nhà nước, thông tin khoa học - công nghệ, phát triển sản xuất kinh doanh (sau đây viết gọn là Lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức): là xã có 100% lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức.

3.2.2-Phương pháp xác định

Cách tính: Tỷ lệ lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức tính toán như sau:

$$\text{Tỷ lệ lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức} = \frac{\text{Số người lao động trong độ tuổi thường trú tại địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức}}{\text{Dân số trong độ tuổi lao động thường trú tại địa phương có khả năng tham gia lao động}} \times 100\%$$

Dân số thường trú tại địa phương là công dân đã thực hiện việc đăng ký nơi thường trú của mình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cơ quan này làm thủ tục đăng ký thường trú, cấp sổ hộ khẩu cho họ.

3.2.3- Số liệu căn cứ để đánh giá, thẩm định:

Số liệu căn cứ đánh giá, thẩm định tiêu chí: do Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành rà soát, đánh giá.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã thực hiện rà soát và xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; đồng gửi Kế hoạch xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thường xuyên kiểm tra; giám sát; đánh giá, tổng hợp, báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao.

4.2. Chế độ báo cáo

- Báo cáo Quý: Gửi trước ngày 15 tháng cuối Quý.
- Báo cáo 6 tháng: Gửi trước ngày 15 tháng 6.
- Báo cáo năm: Gửi trước ngày 15 tháng 12.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội trong Bộ tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao của tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để cùng trao đổi, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- VPĐP NTM tỉnh;
- Sở NN và PTNT;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng LĐTBXH các huyện, tp;
- Phòng LĐVL, Trẻ em;
- Lưu VT-NV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Ngọc Sơn

Handwritten signature or scribble in blue ink, possibly containing the word "Wanda".



Phụ lục IV

DANH MỤC BỆNH HIỂM NGHÈO

(Kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP
ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ)

1. Ung thư	16. Teo cơ tiến triển	30. Bệnh Lupus ban đỏ
2. Nhồi máu cơ tim lần đầu	17. Viêm đa khớp dạng thấp nặng	31. Ghép cơ quan (ghép tim, ghép gan, ghép thận)
3. Phẫu thuật động mạch vành	18. Hoại thư do nhiễm liên cầu khuẩn tan huyết	32. Bệnh lao phổi tiến triển
4. Phẫu thuật thay van tim	19. Thiếu máu bất sản	33. Bỏng nặng
5. Phẫu thuật động mạch chủ	20. Liệt hai chi	34. Bệnh cơ tim
6. Đột quy	21. Mù hai mắt	35. Bệnh Alzheimer hay sa sút trí tuệ
7. Hôn mê	22. Mất hai chi	36. Tăng áp lực động mạch phổi
8. Bệnh xơ cứng rải rác	23. Mất thính lực	37. Bệnh rối loạn dẫn truyền thần kinh vận động
9. Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ	24. Mất khả năng phát âm	38. Chân thương sợ não nặng
10. Bệnh Parkinson	25. Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	39. Bệnh chân voi
11. Viêm màng não do vi khuẩn	26. Suy thận	40. Nhiễm HIV do nghề nghiệp
12. Viêm não nặng	27. Bệnh nang tuỷ thận	41. Ghép tuỷ
13. U não lành tính	28. Viêm tuỷ mãn tính tái phát	42. Bại liệt
14. Loạn dưỡng cơ	29. Suy gan	
15. Bại hành tuỷ tiến triển		

